**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/DS-PT
Ngày: 20/12/2017
V/v tranh chấp phân chia di sản thừa kế.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂNTỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung

*Các Thẩm phán*: Ông Trần Hưng Bính

Ông Nguyễn Thanh Lộc

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dântỉnh Thừa Thiên Huế***: Ông Lê Xuân Phúc- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp phân chia di sản thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/TCDS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2017/QĐPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trương Quang T. Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà NLQ1. Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3.2. Ông NLQ2 và chị NLQ3. Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt

3.3. Ông NLQ4. Địa chỉ: đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3.4. Ông NLQ5. Địa chỉ: đường S, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3.5. Bà NLQ6. Địa chỉ: 4/127 Nguyễn Trãi, phường Thuận Hòa, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3.6. Bà NLQ7. Địa chỉ: đường T, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3.7. Ông NLQ8. Địa chỉ: đường V, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Trương Quang T- Bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Nguyên đơn-bà Nguyễn Thị T trình bày*:

Bố và mẹ ông Trương Văn C (chồng bà T) là ông Trương Văn H (đã chết vào ngày 23/5/1944) và bà Hồ Thị C (đã chết vào năm 1986). Bà và ông Trương Văn C trong quá trình chung sống có sinh được 07 người con chung gồm: Chị NLQ7, sinh năm 1962; anhNLQ8, sinh năm 1966; anh Trương Quang T, sinh năm 1967; anh NLQ5, sinh năm 1970; anh NLQ2, sinh năm 1972; chị NLQ6, sinh năm 1975; anh NLQ4, sinh năm 1978. Bà là vợ hợp pháp của ông C cùng những người con chung trên thì ông, bà không có người vợ, người chồng, người con riêng và con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc nhà và đất tại thửa 155, tờ bản đồ số 39, diện tích 289m$^2$ toạ lạc tại đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế được Uỷ ban nhân thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N644775 đứng tên ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị T vào ngày 28/6/1999. Thửa đất này là do vợ chồng bà T, ông C tạo lập từ năm 1960. Trên thửa đất này vợ chồng bà có tạo dựng được một ngôi nhà 3 gian, một ngôi nhà 02 tầng và một số công trình, kiến trúc, cây cối trên đất. Đến ngày 26/4/2011 ông Trương Văn C chết, không để lại di chúc. Sau khi ông C mất, bà T đã đề nghị họp gia đình để phân chia nhà, đất nói trên nhưng vợ chồng anh Trương Quang T và chị NLQ1 không đồng ý nên bà đã khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật từdi sản ông Trương Văn C chết để lại. Bà T có nguyện vọng phân chia di sản thừa kế như sau:

1. Chia di sản thừa kế của ông C để lại thành 08 phần bằng nhau, tuy nhiên vì 6 người con còn lại ngoài trừ anh Trương Quang T, đều nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho bà nên bà T xin nhận toàn bộ nhà và đất nói trên, bà sẽ thanh toán lại kỷ phần thừa kế cho anh Trương Quang T theo giá trị đã được Hội đồng định giá xác định.

2. Bà sẽ thanh toán giá trị xây dựng nhà của vợ chồng anh Trương Quang T, NLQ1 đã xây dựng trên đất của ông bà theo giá Hội đồng định giá đã xác định.

*Bị đơn-anh Trương Quang T trình bày*:

Về nguồn gốc nhà đất, quá trình tạo lập, di sản thừa kế, hàng thừa kế...như phía nguyên đơn trình bày, anh không có ý kiến gì. Nay mẹ anh là bà Nguyễn Thị T khởi kiện phân chia di sản thừa kế do bố anh(ông Trương Văn C đã chết) để lại thì anh cũng đồng ý. Tuy nhiên Trương Văn T có ý kiến như sau: Do hiện nay vợ chồng anh đang ở ổn định tại địa chỉ đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên anh cũng mong muốn Tòa án giải quyết phân chia cho anh một phần đất trên thửa đất nói trên để gia đình anh tiếp tục ở. Nếu không thể phân chia đất thì anh đề nghị Tòa án phân chia bằng giá trị cho anh tương đương với kỷ phần thừa kế được hưởng từ di sản của bố anh. Ngoài ra Trương Văn T cũng đề nghị xem xét phần giá trị ngôi nhà 02 tầng mà vợ chồng anh đã bỏ ra xây dựng cũng như phần công sức đóng góp của vợ chồng anh đối với thửa đất nói trên với tổng số tiền 800.000.000 đồng để vợ chồng anh có điều kiện tạo lập chỗ ở mới (mua đất và xây nhà). Nếu mẹ anh đồng ý với phương án anh đã trình bày thì anh sẽ bàn giao toàn bộ nhà, đất mà vợ chồng anh đang sử dụng cho bà T và không có yêu cầu gì thêm.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Chị NLQ1 (vợ anh Trương Quang T) trình bày: Việc phân chia thừa kế như thế nào là việc của gia đình Trương Văn T, chị không có ý kiến gì. Nay chị chỉ đề nghị Toà án yêu cầu bà T thanh toán lại cho vợ chồng chị giá trị xây dựng nhà cho vợ chồng chị số tiền 200.000.000 đồng.

Chị NLQ7, anh NLQ5,chị NLQ6,anh NLQ4 đều thống nhất với phần trình bày của bà T về việc phân chia di sản thừa kế do bố để lại. Do các anh chị đã nhường toàn bộ phần di sản thừa kế của mình được hưởng cho bà T nên nay không có ý kiến trình bày gì thêm. Nếu sau này bà T cho các anh chị lại bao nhiêu thì nhận bấy nhiêu chứ không có yêu cầu gì.

Anh NLQ2 và chị NLQ3 đều thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị T và không có ý kiến gì.

Vào ngày 23/5/2017, Toà án nhân dân thành phố Huế đã tiến hành định giá tài sản đối với nhà và đất tại đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả định giá như sau:

1. Tổng giá trị tài sản do ông C, bà T tạo lập: 4.032.583.700đồng.

2. Giá trị tài sản do vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 xây dựng: 157.437.000đồng.

Tại bản án số 12/2017/TCDS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Huế, đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 468, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T

2. Công nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế chị NLQ7, anh NLQ8, anh NLQ5, anh NLQ2, chị NLQ6, anh NLQ4 nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị T.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn tính công sức đóng góp 5%, tương đương số tiền 46.410.000đ.

4. Xác nhận hàng thừa kế theo pháp luật của ông Trương Quang Cháu gồm: 8 người, gồm có: Bà Nguyễn Thị T, chị NLQ7, anh NLQ8, anh Trương Quang T, anh NLQ5, anh NLQ2, chị NLQ6, anh NLQ4.

Xác định di sản thừa kế của ông Trương Quang Cháu là ½ nhà, đất, vật kiến trúc, cây cối toạ lạc tại đường N, phường H, thành phố H, giá trị còn lại sau khi đã trừ công sức đóng góp: 1.969.881.850đ. Giá trị mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là: 246.235.231đ.

Giao toàn bộ nhà, đất, vật kiến trúc, cây cối tại thửa 155, tờ bản đồ số 39, diện tích 289m$^2$ toạ lạc tại đường N, phường H, thành phố H, được Uỷ ban nhân thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 644775 đứng tên ông Trương Văn C-bà Nguyễn Thị T vào ngày 28/6/1999 cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng (có bản vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

Về quyền lưu cư: Vợ chồng anh Trương Quang T, chị NLQ1, vợ chồng anh NLQ2, chị NLQ3 được quyền lưu cư trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để tạo lập nơi ở mới.

5. Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho anh Trương Quang T số tiền 246.235.231đồng**,** thanh toán cho vợ chồng anh Trương Quang T, chị NLQ1 số tiền 223.847.000đ (157.437.000đ + 46.410.000đ + 20.000.000đ).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và Trương Văn T, chị NLQ1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu một khoản lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

6. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 71.581.248đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 2.250.000đồng tại biên lai số 2661 ngày 28/3/2017, nay phải nộp thêm 69.331.248đồng.

- Anh Trương Quang T phải chịu 12.311.761đồng.

7. Về chi phí định giá, đo vẽ: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2017 bị đơn- anh Trương Quang T có đơn kháng cáo với các nội dung:

1.Xem xét năng lực hành vi dân sự trong vụ án của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị T.

2.Xem xét việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm cho phía ông Trương Quang T và bà NLQ1 trong quá trình giải quyết vụ án.

3.Xem xét việc giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Trương Quang T, bà NLQ1 về công sức đóng góp là 5% là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

4. Xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm không điều tra, giải quyết đối với căn nhà của vợ chồng ông NLQ2 trên thửa đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Trương Văn C khi giải quyết phân chia di sản thừa kế.

5. Xem xét việc quá trình giải quyết vụ án có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có đơn xin vắng mặt và xin bảo lưu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án nhưng Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của họ để nhận định trong bản án là không đúng quy định pháp luật.

6. Hủy bản án sơ thẩm với các lý do trên để giao lại Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết lại theo thủ tục chung.

Đến ngày 26/10/2017 anh Trương Quang T có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung là mẹ của anh chỉ phân chia di sản của bố anh để lại cho anh với số tiền 470.082.231 đồng và chỉ cho lưu cư 03 tháng là không thể thực hiện được khi tìm nơi ở mới. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho mẹ con anh hòa giải để tạo sự hòa thuận trong nội bộ gia đình.

Tại biên bản làm việc vào ngày 01/11/2017 và ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế với vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 và bà Nguyễn Thị T thì bà T tự nguyện đồng ý hỗ trợ thêm cho vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 số tiền 80.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bà T phải thanh toán cho Trương Văn T, chị NLQ1 là 550.082.213 đồng (470.082.213 đồng + 80.000.000

đồng). Ngoài ra, bà T còn đồng ý nâng thời gian lưu cư cho vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 thêm 03 tháng ngoài 03 tháng đã tuyên tại bản án sơ thẩm, kể từ ngày bản án phúc thẩm tuyên. Phía Trương Văn T, chị NLQ1 cũng đồng ý với bà T về số tiền hỗ trợ thêm và thời gian lưu cư này.

Đối với anh NLQ2 và chị NLQ3, sau khi xét xử sơ thẩm thì anh chị không có kháng cáo, nhưng vào ngày 23/11/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nhận được đơn trình bày của vợ chồng anh NLQ2 và chị NLQ3. Theo nội dung đơn đã nộp thì vợ chồng anh NLQ2 chị NLQ3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét công sức đóng góp của vợ chồng anh chị trong việc tạo dựng căn nhà tại đường N, phường H, thành phố H. Anh NLQ2 và chị Vanh đề nghị bà T sau khi bán đất tại đường N, phường H, thành phố H thì mua một lô đất khác rồi phân lô và hỗ trợ kinh phí làm nhà để các con có điều kiện sinh sống. Nếu không thực hiện được phương án này thì đề nghị bà T phân chia di sản và hỗ trợ kinh phí làm nhà cho vợ chồng anh với số tiền 950.000.000 đồng để vợ chồng tạo lập nơi ở mới.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

1. Nguyên đơn- bà Nguyễn Thị T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý kiến đã trình bày của bà tại buổi làm việc vào ngày 01/11/2017 ở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc bà đồng ý hỗ trợ thêm 80.000.000 đồng và cho lưu cư thêm 03 tháng đối với vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1.

2. Phía bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trương Quang T và chị NLQ1 trình bày: Vợ chồng anh cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ý kiến đã trình bày tại buổi làm việc vào ngày 14/11/2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Trương Văn T, chị NLQ1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc thay đổi nội dung kháng cáo của anh vào ngày 26/10/2017 là anh rút toàn bộ nội dung kháng cáo ngày 05/9/2017 và chấp nhận việc bà T hỗ trợ thêm 80.000.000 đồng, lưu cư thêm 03 tháng.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu và cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định:

+ Về yêu cầu của anh NLQ2 chị NLQ3 tại phiên tòa hôm nay: Do vợ chồng anh NLQ2 chị NLQ3 không có đơn kháng cáo sau khi nhận được bản án sơ thẩm nên yêu cầu này của anh NLQ2 thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận.

+ Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự như sau:

-Về số tiền bà T phải thanh toán cho anh Trương Quang T, chị NLQ1: Ngoài số tiền Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Trương Văn T, chị NLQ1 số tiền 470.082.213 đồng. Nay bà T tự nguyện hỗ trợ thêm

80.000.000 đồng. Như vậy bà T phải thanh toán cho Trương Văn T, chị NLQ1 số tiền là 550.082.213 đồng.

- Về thời gian lưu cư để có thời gian tìm chỗ ở mới: Ngoài thời gian Tòa án cấp sơ thẩm cho vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 lưu cư 03 tháng. Nay bà Nguyễn Thị T đồng ý cho vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 lưu cư thêm 03 tháng kể từ ngày bản án phúc thẩm được tuyên.Tổng cộng thời gian lưu cư là 06 tháng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Trương Quang T thì thấy rằng:

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn- anh Trương Quang T đã thay đổi nội dung đơn kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị T về việc đồng ý hỗ trợ thêm cho vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 số tiền 80.000.000 đồng ngoài số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà T phải thanh toán cho vợ chồng anh và công nhận việc bà T đồng ý cho vợ chồng anh lưu cư thêm 03 tháng ngoài 03 tháng mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị T với anh Trương Quang T và chị NLQ1 về việc hỗ trợ thêm tiền và tăng thời gian lưu cư là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận. Đồng thời đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút nội dung kháng cáovào ngày 05/9/2017 của anh Trương Quang T.

[2] Việc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh NLQ2 và chị NLQ3 có đơn trình bày về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét công sức đóng góp của anh NLQ2 trong việc tu sửa ngôi nhà của ông C bà T và đề nghị bà T hỗ trợ cho vợ chồng anh NLQ2 chị NLQ3 số tiền 950.000.000 đồng để anh chị có điều kiện tạo lập chổ ở mới. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại các biên bản lấy lời khai cũng như tại các buổi hòa giải phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh NLQ2 không có yêu cầu độc lập và cũng không trình bày về công sức đóng góp của anh trong việc tu sửa ngôi nhà của ông C bà T. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, anh NLQ2 vắng mặt nên sau khi phát hành bản án sơ thẩm thì Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm cho anh NLQ2, chịNLQ3để đảm bảo quyền kháng cáo của đương sự, nhưng trong thời hạn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật thì anh NLQ2 chị NLQ3 không kháng cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc anh NLQ2 chị NLQ3 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các yêu cầu như đã nêu trong đơn trình bày là vượt quá phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí đo đạc, định giá:

Tòa án cấp sơ thẩm đã có thiếu sót là không tuyên rõ chi phí đo đạc, định giá cụ thể số tiền là bao nhiêu mà chỉ ghi nhận bà T tự nguyện chịu toàn bộ là không rõ ràng. Khi giải quyết Tòa án phải ghi nhận số tiền đã chi phí về đo đạc, định giá trong bản án để sau đó ghi nhận việc các đương sự tự nguyện chịu chi phí này. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cần bổ sung phần này và tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi rõ số tiền, biên lai mà bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí để khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải chịu nhưng lại không ghi rõ cụ thể biên lai thu tiền này là của cơ quan nào thu nên sẽ gây khó khăn cho công tác thi hành án sau này nên cấp phúc thẩm cũng cần bổ sung để đảm bảo cho bản án được thi hành đúng pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tuyên buộc ông Trương Quang T phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 300, khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Trương Quang T. Sửa bản án sơ thẩm số 12/2017/TCDS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Áp dụng Điều 468, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 7 Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T đối với ½ di sản tại thửa đất số 155 thuộc tờ bản đồ số 39 toạc lạc tại đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N644775 ngày 28/6/1999 mang tên ông Trương Văn C và bà Nguyễn Thị T với diện tích 289m$^2$.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Trương Văn C là 144,5 $m^2$đất, vật kiến trúc và cây cối trên đất trong thửa đất số 155 thuộc tờ bản đồ số 39 tọa lạc tại đường N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Xác nhận hàng thừa kế theo pháp luật của ông Trương Văn C là 8 người, gồm có: Bà Nguyễn Thị T, chị NLQ7, anh NLQ8, anh Trương Quang T, anh NLQ5, anh NLQ2, chị NLQ6, anh NLQ4.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn tính công sức gìn giữ đóng góp di sản là 5%, tương đương số tiền 46.410.000đồng. Giá trị còn lại sau khi đã trừ công sức đóng góp: 1.969.881.850đ. Giá trị mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là: 246.235.231đ.

5. Công nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế chị NLQ7, anh NLQ8, anh NLQ5, anh NLQ2, chị NLQ6, anh NLQ4 nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị T.

Giá trị thừa kế của bà T được hưởng là 1.723.646.617 đồng.

Giao toàn bộ nhà, đất, vật kiến trúc, cây cối tại thửa 155, tờ bản đồ số 39, diện tích 289$m^2$ toạ lạc tại đường N, phường H, thành phố H, được Uỷ ban nhân thành phố Huế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N644775ngày 28/6/1999 đứng tên ông Trương Văn C-bà Nguyễn Thị T cho bà Nguyễn Thị T được quyền quản lý, sử dụng (có bản vẽ kèm theo tại bản án sơ thẩm).

Bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật.

6. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung kháng cáo của ông Trương Quang T vào ngày 05/9/2017, cụ thể:

- Xem xét năng lực hành vi dân sự trong vụ án của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị T.

- Xem xét việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm cho phía ông Trương Quang T và bà NLQ1 trong quá trình giải quyết vụ án.

- Xem xét việc giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho ông Trương Quang T, bà NLQ1 về công sức đóng góp là 5% là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm không điều tra, giải quyết đối với căn nhà của vợ chồng ông NLQ2 trên thửa đất của vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Trương Văn C khi giải quyết phân chia di sản thừa kế.

- Xem xét việc quá trình giải quyết vụ án có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có đơn xin vắng mặt và xin

bảo lưu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án nhưng Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của họ để nhận định trong bản án là không đúng quy định pháp luật.

- Hủy bản án sơ thẩm với các lý do trên để giao lại Tòa án nhân dân thành phố Huế giải quyết lại theo thủ tục chung.

7. Công nhận sự tự nguyện giữa các bà Nguyễn Thị T với vợ chồng anh Trương Quang T, chị NLQ1 như sau:

- Ngoài số tiền bà T phải thanh toán cho anh Trương Quang T, chị NLQ1 do Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Trương Văn T, chị NLQ1 số tiền 470.082.213 đồng thì bà T tự nguyện hỗ trợ 80.000.000 đồng. Tổng cộng bà T phải thanh toán cho vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 số tiền là 550.082.213 đồng.

- Về thời gian lưu cư tìm chỗ ở mới: Ngoài thời gian Tòa án cấp sơ thẩm cho vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 lưu cư 03 tháng. Nay bà Nguyễn Thị T đồng ý cho vợ chồng Trương Văn T, chị NLQ1 lưu cư thêm 03 tháng. Tổng cộng thời gian lưu cư là 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

8. Án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị T phải chịu 71.581.248đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 2.250.000đồng tại biên lai số 2661 ngày 28/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nay phải nộp thêm 69.331.248đồng.

+ Anh Trương Quang T phải chịu 12.311.761đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Trương Quang T phải chịu toàn bộ án phí phúc thẩm. Trương Văn T đã nộp đủ 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu số 3065 ngày 13/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế nên nay được khấu trừ hết.

- Về chi phí đo đạc, định giá: Chi phí đo đạc, định giá hết 2.000.000 đồng. Bà T tự nguyện chịu toàn bộ.

Các phần khác tại quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền mà người phải thi hành án còn chưa thanh toán các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân dự năm

2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

9. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***
- *TAND cấp cao;*
- *VKSND tỉnh TT-Huế;*
- *Tòa Dân sự TAND tỉnh*
- *TAND thành phố Huế;*
- *Chi cục THA thành phố Huế;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ, Tòa HC, VP.*

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Trung**